

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2363 /NMĐSH1-TM

Cần Thơ, ngày 05 tháng 10 năm 2026

V/v cung cấp báo giá hàng hóa “Vật tư thay thế
C&I hệ thống BOP của NMĐ Sông Hậu 1”

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh phát điện Dầu khí/ Nhà máy Điện Sông Hậu 1 (NMĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua sắm “Vật tư thay thế C&I hệ thống BOP của NMĐ Sông Hậu 1”. NMĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá cho hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: chi tiết như Phụ lục đính kèm
2. Tiến độ cung cấp: Nhà cung cấp đề xuất tiến độ cung cấp tốt nhất để Nhà máy xem xét.
3. Địa điểm giao hàng: Kho Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ.
4. Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 15h ngày 19/10/2026.
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email.
7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Thương mại – NMĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ

*Email: giangtth@pvpgb.vn; hunglt@pvpgb.vn; haipdm@pvpgb.vn;
trimq@pvpgb.vn; tientn@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.*

NMĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD NMĐSH1 (đề b/c);
- Lưu VT, TM (M.Q.T).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lương Khánh Duy

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm công văn số 2363/NMĐSH1-TM ngày 05/10/2026)

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
1	59001012	AM6020 MOBILE PA AMPLIFIER	AM6020 MOBILE PA AMPLIFIER Power: - Input: 12V/24V 3.5A ; Negative ground Fuse T4A Speaker Impedance: 4-8-16 Ω	RCF	Châu Âu/OECD	1	Cái	(*)
2	39408010	Cáp D-Sub DB25Male/Female	Cáp D-Sub DB25Male/Female - Model: 12 DSB 01 - Mã đặt hàng: 218-820-000 - Cable harness with 12 twin wires, SUB-D socket and screw-type terminal block for digital and/or analogue linecard.	Industronic	Châu Âu/OECD	1	Pcs	(*)
3	39557006	Bộ điều khiển Máy nén khí	Bộ điều khiển Máy nén khí - Part no:1900520022 - Power supply: 24VAC/10VA,50/60HZ - Bộ điều khiển được cấu hình các thông số hoạt động và các thông số truyền thông sử dụng được cho máy nén khí số 4 tại Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. - Bao gồm các phần mềm để cấu hình kết nối với bộ điều khiển máy nén khí: Modi5, Speci5.	Atlas Copco	Châu Âu/OECD	1	Bộ	(*)
4	51898118	Cooling Fan Fulltech	Cooling Fan Fulltech Model: Fulltech UF-15P23 BTH Voltage: 230VAC Frequency: 50/60Hz Current: 0.23/0.18A Power: 35/30W Speed: 2750/3100rpm Airflow: 170/195CFM	Fulltech		2	Cái	(*)



STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
			Static Pressure: 0.42/0.38 inch H2O Noise: 50/55dBA Size: 172x150x51mm Frame Material: Aluminum Termination: 2 Terminals Unit weight: 0.9kg					
5	39533002	Zirconia converter	Zirconia converter - ZR402G - Suffix: -T-E-E-A - Supply: 100-240 VAC - Converter thread: 1/2NPT - Display: English - Instruction manual: English	Yokogawa	Châu Âu/OECD	2	Bộ	(*)
6	34560013	Incremental Encoder	Part No: 05962250 OG70 DN 4096 CI Phải có khả năng sử dụng thay thế cho encoder giám sát tốc độ động cơ quay cần CSU 02. Model: OG70 DN 4096 CI nhà cung cấp SEW, SN: 700001762736 Thông số động cơ: Motor SEW-EURODRIVE KAF97 DRN180L4/BE20HF/TF/XV1C/V/DUE	SEW	Châu Âu/ OECD	1	Cái	(*)
7	39412031	Pin Laptop Lenovo (ThinkPad-20GB000PUS)	Lenovo BATTERY, 11.4V, 42Wh, 3cell. Lenovo, Thinkpad Rechargeable Li-on Battery Pack. NOM 11.4V - 3685mAh 42Wh. ASM P/N: SB10J78991. FRU P/N: 00HW043.	Lenovo		1	Bộ	(*)
8	34427030	Proximity sensor	Model: PRT30-15DO Sensing distance: 15mm ±10% Hysteresis: Max. 10% of sensing distance Setting distance: 0 ~ 10.5mm Power supply: 24 VDC Protection: IP67 (IEC standard) Cable spec: Ø5 x 2P, 2m	AUTONICS	Châu Âu/ OECD	6	Cái	(*)

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
9	88532005	Keyboard Network	Model: KRA-NK Power supply: 12V-1A P/N: 5.0.01.99.0202	KBVISION	Châu Âu/ OECD	1	Cái	(*)
10	34487074	Looppowered Process Indicator	- Model: RIA15- 3M15/101 - Power Supply: 24 VDC - Input range: 4–20 mA - Degree of protection: IP67 - Operating temperature: approximately – 40 °C to +60 °C	Endress+ Hauser	Châu Âu/ OECD	1	Cái	(*)
11	39553047	Universal Driver Module	Model: 612XB-M - Flange: ASME150Lb - Size: 100A - Body: FCD450 - Disc: SCS13 - Seat: NBR CRV -10A - Supply: 200V, 50/60Hz, 1~ - Motor: 25W, 0,5A, 30 min, Class E - Speed: 31/50 Hz, 26/60Hz, sec/90o - Lubricant: Grease Alvania EP2	OKM Okumura Engineering corp	Châu Âu/ OECD	2	Cái	(*)
12	51898076	Dynamic blowers	ASC0080-1MS370-5 Voltage: 115/230 VAC - 50Hz	AIRTECH	Châu Âu/ OECD	1	Cái	(*)
13	51342003	Quick exhaust valve	- Model: VSC 522-08 - Port sizes: 1/2" NPTF - Operating temperature: 32°F - 175°F, (dry air necessary down to - 4° F) - Operating pressure: 0.3 - 10 bar, (5 - 145 psi)	Camozzi	Châu Âu/ OECD	24	Cái	(*)
14	51342004	Quick exhaust valve	- Model: VSC 544-04 - Port sizes: 1/4" NPTF - Operating temperature: 32°F - 175°F, (dry air necessary down to - 4° F) - Operating pressure: 0.3 - 10 bar, (5 - 145 psi)	Camozzi	Châu Âu/ OECD	26	Cái	(*)

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
15	34488030	Pressure Transmitter	Model: 7MF0300-1QU01-5AF2-ZA00+E00+H01+Y01+Y21+Y15 - Type: SITRANS P320 - Communication: HART, 4...20 mA - Measuring cell filling: Silicone oil - Maximum measuring span: 16 bar (232 psi) - Process connection : Version for diaphragm seal pressure - Wetted parts materials: process connection, seal diaphragm: Stainless steel 316L/1.4404, stainless steel 316L/1.4404 - Non-wetted parts materials: Die-cast aluminum - Enclosure: dual chamber device	SIEMENS	Châu Âu/ OECD	1	Cái	(*)
16	39510070	Bộ đếm bi Ball recirculation monitor	Model: IJ-BR-001 + Phù hợp cho hệ thống CTCS/DF của Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 + Bao gồm User manual của thiết bị + Tham khảo tài liệu: - “Technical Datasheet for CTCS” SH1-DHI-P1PAH-MM01-DAS-3767 Rev.A Page 5/5 - “Schematic/Wiring Diagram for CTCS/DF” SH1-DHI-P1PAH-I-M01-DWD-3768 Rev.0DCN3 Page 18,19/44 - “Operating&Maintenance Manual for Condenser Tube Cleaning System” SH1-DHI-P1PAH-M-M01-MAN-3777 Rev.4 Page 11,12/36	DOOSAN	OECD	4	Cái	(*)
17	34428017	Temperature indicator	- Model : T190 - Part number : T1906Y1ED010482 - Length : 150 mm - Diameter : 150 mm - Steam out diameter : 6mm - Range : 0 - 100 deg C	Wise	OECD	2	Cái	(*)

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
23	88529002	Overspeed/Underspeed Monitor	- Model : KFU8-DW-1D; - Power Supply: 24 VDC; -PART NUMBER: 190149	Pepperl+Fuchs	Châu Âu/G7/OECD	1	Cái	(*)
24	51335285	Pilot valve	- Model : SPV10-225; - Power Supply: 230 VAC.	Autel	Châu Âu/G7/OECD	1	Cái	(*)
25	36696088	Sounder/Beacon	- Model : SEP LED MS32; - Power Supply: 24 VDC. - Part No: 50901	Sirena		1	Cái	(*)
26	36696089	Signal Horn	Type: HTG; - Power Supply: 24 VDC; - Order number: 713100005.	Auer Signal		1	Cái	(*)
27	36696090	Plastic Horn Speaker With Driver	- Model: HD 3216; - Part Number: 13133039	RCF		1	Cái	(*)
28	33406091	Push Button	- Model: LA39; - Voltage Rating: 660 VAC; - Amperage Rating: 10 A.	ART		1	Cái	(*)
29	35050005	Relay	Mã sản phẩm: RR2P-UL - Pin terminal: DPDT - Style: With indicator - Điện áp cuộn dây: 220V AC	IDEC		3	Cái	(*)
30	34599068	Air regulator	Model: SAR 4000T04BG - Type: Air regulator - Body size: 1/2 - Handle type: T type handle - Port size: Rc 1/2 - Accessory: Bracket; Gauge	SKP		3	Cái	(*)
31	38304122	Monitor Module	FMM-101 - Nominal Operating Voltage: 15-32 VDC. - Average operating current: 350 μ A, 1 communication every 5 seconds, 47k EOL; 600 μ A Max. (Communicating, IDC Shorted).	NOTIFIER		8	Cái	(*)

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
			- Maximum IDC wiring resistance: 1500 Ohms. - Maximum IDC Voltage: 11 Volts. - Maximum IDC Current: 450 μA. - EOL resistance: 47k Ohms. - Temperature Range: 32°F to 120°F (0°C to 49°C). - Humidity: 10% to 93% Non-condensing. - Dimensions: 1.3" (3.302 cm) high $\times$ 2.75" (6.985 cm) wide $\times$ 0.65" (1.651 cm) deep. - Wire Length: 6" (15.24 cm) minimum.					
32	38302057	Controller	Model: CB-GEN5 Rev B - Power: 100-240 VAC - Digital Inputs: 8 - Relay Outputs: 6 - Analog Input: 2 Phải phù hợp với controller CB-GEN5 Rev B của nhà sản xuất Mighty Instruments hiện hữu nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 đang sử dụng.	Mighty Instruments	Châu Âu/G7/OECD	1	Cái	
33	51996024	Solenoid valve	- Type: M30C-25NA44-BS11-TF-E - VALVE TYPE No: 2 way solenoid valve - FUNCTION: Normally C losed(Energized open) - SIZE: 25 - SOLENOIO MOOEL No.(Different according to size): For AC general purpose use - BODY M ATERIALS: CAC406 - PIPE CONNECTION: Screwed(1 5 to 32 only) - INNER CONSTRUCTION: Soft seal(Packing. O-ring seal) - INNER MATERIAL(Trimed materlals): C3604.C619 1 (Copper alloy) - Volt: 220 VAC	KANEKO	Châu Âu/G7/OECD	2	Cái	
34	51975030	Check valve	Model: VAR-100L - Length: 56 mm	IMOPAC	Châu Âu/G7/OECD	3	Cái	



STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
			- Body Material: Brass - Connection: G ½” - PN: 20 Bar - PA Standar: 0.08 Bar					
35	34466053	Pressure gauge	Model: BH5120 ECO-A57 - Case design IP 65, NS 63: with liquid filling; process connection bottom. - Nominal range [bar]: 0 - 6 - Process connection + Material: ASTM (316L); + Screw-in thread HYGIENIC: G 3/4” (Phải tương đương với thiết bị hiện hữu tại nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 với số S/N: 1907605/10/035)	Labom	Châu Âu/G7/OECD	1	Cái	

Ghi chú:

- Thuế giá trị gia tăng là tạm tính mức 10%, trong quá trình thực hiện hợp đồng mức thuế suất sẽ được điều chỉnh tại thời điểm nghiệm thu thanh toán phù hợp với quy định thuế của Chính phủ.

- (*) Danh mục hàng hóa, nhà sản xuất, tiêu chuẩn của hàng hóa nêu trên là hàng hóa thuộc các thiết bị hiện hữu tại Nhà máy/Chủ đầu tư lấy theo khuyến cáo của nhà sản xuất/chế tạo thiết bị, tài liệu O&M Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Do đó, Nhà thầu phải chào đúng chủng loại/model, thông số kỹ thuật như yêu cầu để đảm bảo tương thích, đồng bộ với thiết bị/hệ thống hiện hữu, đang sử dụng tại Nhà máy (tương thích về kích thước, khả năng lắp đặt cho thiết bị/hệ thống nêu trên) để đảm bảo hệ thống/thiết bị vận hành lâu dài, ổn định, hiệu suất cao nhất.

- Đối với các mục còn lại Nhà thầu có thể chào đúng loại yêu cầu hoặc tương đương hoặc tốt hơn.

Yêu cầu khác:

- Nhà thầu chào đầy đủ NSX, xuất xứ của hàng hóa;
- Tiến độ: Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp tốt nhất để Nhà máy xem xét;
- Địa điểm giao hàng: Kho vật tư, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1;
- Chất lượng hàng hóa: Hàng hóa phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng;



[Handwritten signature]

- Chứng từ kèm theo hàng hóa:

+ Hàng hóa phải có đầy đủ chứng chỉ xuất xứ (CO) nếu có, chứng chỉ chất lượng (CQ/COA), (bản gốc hoặc bản photo công chứng hoặc bản điện tử) hoặc tài liệu có tính chất tương tự;

+ Bảo hành: 365 ngày kể từ ngày được nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.

